

**PHÂN TÍCH DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN
ĐA KHOA VÂN ĐÌNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2020**

*Chúc Mai Hiền¹, Nguyễn Thị Thu Hiền², Trần Thị Bích Ngọc³
Nguyễn Cẩm Vân³, Nguyễn Tuấn Quang³*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Phân tích cơ cấu và phân tích theo phân loại ABC/VEN danh mục thuốc (DMT) sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Vân Đình, Thành phố Hà Nội năm 2020. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả, hồi cứu DMT sử dụng tại bệnh viện từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020. **Kết quả:** Cơ cấu DMT sử dụng tại bệnh viện năm 2020 gồm 360 thuốc với tổng giá trị hơn 32,6 tỷ đồng. Thuốc hóa dược chiếm 81,11% về số lượng và 92,89% về giá trị, thuốc cổ truyền chiếm 17,50% về số lượng và 3,59% về giá trị, thuốc dược liệu chiếm 1,39% về số lượng và 3,52% về giá trị. Thuốc sản xuất trong nước chiếm 53,06% về số lượng và 27,58% về giá trị. Thuốc biệt dược gốc chiếm 4,02% về số lượng và 7,50% về giá trị. Thuốc đơn thành phần chiếm tỷ lệ 78,09% về số lượng và 58,31% về giá trị. Thuốc đường uống chiếm 58,06% về số lượng và 62,73% về giá trị. Thuốc nhóm A chiếm 19,17% về số lượng và 79,69% về giá trị, nhóm B chiếm 20,83% về số lượng và 15,29% về giá trị, nhóm C chiếm 60,0% về số lượng và 5,02% về giá trị. Thuốc nhóm V chiếm 11,94% về số lượng và 11,05% về giá trị, nhóm E chiếm tỷ lệ 66,94% về số lượng và 82,64% về giá trị, nhóm N chiếm 21,12% về số lượng và 6,31% về giá trị. Thuốc nhóm I chiếm 28,61% về số lượng và 80,71% về giá trị, thuốc nhóm II chiếm 54,17% về số lượng và 18,18% về giá trị, thuốc nhóm III chiếm 17,22% về số lượng và 1,11% về giá trị. **Kết luận:** Đã phân tích được cơ cấu và phân tích theo phân loại ABC/VEN DMT sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Vân Đình Thành phố Hà Nội năm 2020.

* Từ khóa: Danh mục thuốc; Bệnh viện Đa khoa Vân Đình.

¹Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu Cần, Quân khu 7

²Bệnh viện Đa khoa Vân Đình, Hà Nội

³Học viện Quân y

Nhận phản hồi: Nguyễn Tuấn Quang (dsquang2000@gmail.com)

Ngày nhận bài: 05/4/2022

Ngày được chấp nhận đăng: 15/4/2022

**ANALYSIS OF THE LIST OF DRUGS USED AT VAN DINH
GENERAL HOSPITAL, HA NOI IN 2020**

Summary

Objectives: Structural analysis and analysis according to ABC/VEN classification of the list of drugs used at Van Dinh General Hospital, Hanoi in 2020. **Subjects and methods:** Retrospective description of the list of drugs used at the hospital from January 1, 2020 to the end of December 31, 2020. **Results:** The structure of the list of drugs used in hospitals in 2020 included 360 drugs with a total value of more than 32.6 billion VND. Western drugs accounted for 81.11% in quantity and 92.89% in value, traditional drugs accounted for 17.50% in quantity, 3.59% in value, herbal drugs accounted for 1.39 % in quantity, 3.52% in value. Domestically produced drugs accounted for 53.06% in quantity, 27.58% in value. Brand-name drugs accounted for 4.02% in quantity, 7.50% in value. Single-component drugs accounted for 78.09% in quantity, 58.31% in value. Oral drugs accounted for 58.06 % in quantity, 62.73% in value. Groups A, B, C drugs accounted for the proportions of quantity and value, respectively: 19.17%, 79.69%; 20.83%, 15.29%; 60.0% and 5.02%. Groups V, E, N drugs accounted for the proportions of quantity and value, respectively: 11.94%, 11.05%; 66.94%, 82.64%; 21.12% and 6.31%. Groups I, II, III drugs account for the proportions of quantity and value were 28.61%, 80.71%; 54.17%, 18.18%; 17.22% and 1.11%, respectively. **Conclusion:** We analyzed the structure and according to the ABC/VEN classification of the list of drugs used at Van Dinh General Hospital, Hanoi in 2020.

* **Keywords:** List of drugs, Van Dinh General Hospital.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh viện là cơ sở khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người bệnh, là đơn vị khoa học có nghiệp vụ cao về y tế, trong đó thuốc là công cụ đắc lực cho công tác phòng bệnh và chữa bệnh. DMT sử dụng tại bệnh viện hợp lý sẽ góp phần đem lại hiệu quả điều trị tốt và giảm chi phí cho người bệnh. Đồng thời, một DMT được xây dựng hợp lý

sẽ giúp nâng cao chất lượng công tác cung ứng thuốc, công tác dược lâm sàng và thông tin thuốc tại bệnh viện, cải thiện được mức độ sẵn có của thuốc, từ đó giúp cho việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả hơn.

Bệnh viện đa khoa (BVĐK) Vân Đình là BVĐK hạng II, trực thuộc Sở Y tế Hà Nội, quy mô 426 giường bệnh, có nhiệm vụ chăm sóc bảo vệ sức khỏe

cho nhân dân trong huyện và các khu vực lân cận [1]. Từ năm 2019, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đã có những tác động nhất định làm thay đổi mô hình bệnh tật, lưu lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh, từ đó tác động đến việc sử dụng kinh phí của bệnh viện. Vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu phân tích DMT sử dụng tại bệnh viện là rất cần thiết. Qua kết quả phân tích DMT bệnh viện năm 2020 có thể đề xuất một số biện pháp nhằm: *Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác đảm bảo thuốc cho nhu cầu khám chữa bệnh tại bệnh viện trong những năm tiếp theo.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

DMT sử dụng tại BVĐK Vân Đình, Thành phố Hà Nội năm 2020.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

** Nội dung nghiên cứu:*

- Phân tích cơ cấu DMT sử dụng tại BVĐK Vân Đình năm 2020: Theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền, theo nhóm tác dụng, theo nguồn gốc, xuất xứ, theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic, theo thành phần, theo đường dùng.

- Phân tích DMT sử dụng tại BVĐK Vân Đình năm 2020 theo phân loại ABC/VEN: Theo phân loại ABC, phân loại VEN và theo ma trận ABC/VEN.

** Phương pháp nghiên cứu:*

Nghiên cứu mô tả, hồi cứu DMT sử dụng tại bệnh viện từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

Kỹ thuật phân tích số liệu:

- Phân tích cơ cấu DMT sử dụng tại bệnh viện theo 7 bước:

+ Bước 1: Tổng hợp toàn bộ các dữ liệu thu thập về DMT sử dụng năm 2020 theo: Tên thuốc, hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, đường dùng, đơn vị tính, số lượng sử dụng, đơn giá, nước sản xuất, nhà cung cấp.

- Bước 2: Tổng hợp số liệu theo các chỉ tiêu cần nghiên cứu: Xếp theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền, theo nhóm tác dụng, theo nguồn gốc, xuất xứ, theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic, theo thành phần, theo đường dùng.

- Phân tích DMT sử dụng tại bệnh viện theo phân loại ABC/VEN:

+ Phân loại ABC: Tiến hành theo 7 bước [6]. Bước 1: Liệt kê các sản phẩm gồm N sản phẩm. Bước 2: Điền các thông tin sau cho mỗi sản phẩm. Đơn giá của từng sản phẩm là g_i ($i = 1, 2, 3, \dots, N$). Số lượng các sản phẩm là q_i . Bước 3: Tính số tiền cho mỗi sản phẩm bằng cách nhân đơn giá với số lượng sản phẩm $c_i = g_i \times q_i$. Tổng số tiền sẽ bằng tổng lượng tiền cho mỗi sản phẩm: $C = \sum c_i$. Bước 4: Tính giá trị tiền thuốc (GTTT) % của mỗi

sản phẩm bằng cách lấy số tiền của mỗi sản phẩm chia cho tổng số tiền: $pi = (ci/C) \times 100$. Bước 5: Sắp xếp lại các sản phẩm theo thứ tự % GTTT giảm dần. Bước 6: Tính GTTT % tích lũy của tổng GTTT cho mỗi sản phẩm (k): Bắt đầu với sản phẩm số 1 sau đó cộng các sản phẩm tiếp theo trong danh sách. Bước 7: Phân hạng sản phẩm: Hạng A gồm những sản phẩm chiếm 75 - 80% tổng GTTT (k từ 0 - 80%); Hạng B gồm những sản phẩm chiếm 15 - 20% tổng GTTT (k từ 80 - 95%); Hạng C gồm những sản phẩm chiếm 5 - 10% tổng GTTT (k > 95%).

+ Phân loại VEN: Gồm 6 bước [6]:
 Bước 1: Thành viên Hội đồng sắp xếp các nhóm thuốc theo V, E, N. Bước 2: Kết quả phân loại được tập hợp và

thống nhất. Bước 3: Lựa chọn và loại bỏ những phương án điều trị trùng lặp. Bước 4: Xem xét những thuốc thuộc nhóm N và hạn chế mua hoặc loại bỏ những thuốc này trong trường hợp không còn nhu cầu điều trị. Bước 5: Xem lại số lượng mua dự kiến, mua các thuốc nhóm V và E trước nhóm N và bảo đảm thuốc nhóm V và E có một lượng dự trữ an toàn. Bước 6: Giám sát đơn đặt hàng và lượng tồn kho của nhóm V và E chặt chẽ hơn nhóm N.

+ Ma trận ABC/VEN: Phân tích dựa vào kết quả thu được sau khi phân loại ABC và phân loại VEN.

* Phương pháp xử lý số liệu:

Các kết quả nghiên cứu được xử lý phần mềm Microsoft Office Excel 2016.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Kết quả phân tích cơ cấu DMT tại BVĐK Vân Đình năm 2020

* Cơ cấu DMT theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền:

Bảng 1: Cơ cấu DMT theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền.

TT	Nhóm thuốc	Số lượng khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc hóa dược	292	81,11	30.324.237.447	92,89
2	Thuốc cổ truyền	63	17,50	1.148.051.791	3,59
3	Thuốc dược liệu	5	1,39	1.172.267.105	3,52
Tổng		360	100,00	32.644.556.343	100

DMT sử dụng tại BVĐK Vân Đình năm 2020 bao gồm 360 thuốc với giá trị sử dụng khoảng 32,6 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu là thuốc hóa dược, chiếm

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC QUÂN SỰ SỐ 3 - 2022

81,11% về số lượng và 92,89% về giá trị. Thuốc cổ truyền chiếm 17,50% về số lượng và 3,59% về giá trị, còn các thuốc dược liệu chỉ chiếm 1,39% về số lượng và 3,52% về giá trị.

* Cơ cấu DMT theo nhóm tác dụng:

- Cơ cấu DMT hóa dược theo nhóm tác dụng dược lý:

Bảng 2: Cơ cấu DMT hóa dược theo nhóm tác dụng dược lý.

TT	Nhóm tác dụng dược lý	Số lượng khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc tim mạch	53	18,15	8.641.490.953	28,50
2	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	48	16,44	6.308.020.794	20,80
3	Hormone và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	24	8,22	6.063.435.685	20,00
4	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	15	5,14	1.610.853.811	5,31
5	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải cân bằng acid - base và các dung dịch tiêm truyền khác	22	7,53	1.505.867.958	4,97
6	Thuốc đường tiêu hóa	24	8,22	1.401.999.536	4,62
7	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, không steroid, điều trị gút	19	6,51	1.323.681.696	4,37
8	Thuốc tác dụng đối với máu	10	3,42	1.081.204.823	3,57
9	Khoáng chất và vitamin	6	2,05	910.414.204	3,00
10	Thuốc chống rối loạn tâm thần và thuốc tác động lên hệ thần kinh	5	1,71	285.701.281	0,94

TT	Nhóm tác dụng dược lý	Số lượng khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
11	Thuốc dùng chẩn đoán	2	0,68	234.713.840	0,77
12	Thuốc giải độc	5	1,71	215.779.080	0,71
13	Thuốc gây tê, mê	19	6,51	176.767.835	0,58
14	Thuốc chống dị ứng	6	2,05	164.343.526	0,54
15	Thuốc giãn cơ và ức chế cholinesterase	5	1,71	107.005.003.5	0,35
16	Thuốc điều trị da liễu	8	2,74	77.283.238.0	0,25
17	Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non	5	1,71	74.721.833.3	0,25
18	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	2	0,68	57.316.008.0	0,19
19	Thuốc lợi tiểu	3	1,03	43.343.965.0	0,14
20	Nhóm thuốc khác (5 nhóm)	11	3,77	4.029.237.740	0,13
Tổng		292	100	30.324.237.447	100

Thuốc hóa dược của bệnh viện được chia thành 24 nhóm tác dụng dược lý. Trong đó, nhóm thuốc tim mạch chiếm tỷ trọng lớn nhất cả về số lượng (18,15%) và giá trị (28,50%, với khoảng > 8,6 tỷ đồng). Đứng thứ hai là nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm 16,44% về số lượng và 20,80% về giá trị (khoảng > 6,3 tỷ đồng). Nhóm hormone và các thuốc tác động vào hệ thống nội

tiết có tỷ trọng cao thứ ba với tỷ lệ 8,22% về số lượng và 20,00% giá trị (khoảng > 6 tỷ đồng). Cơ cấu DMT của bệnh viện chỉ tương đối phù hợp so với mô hình bệnh tật của bệnh viện năm 2020 [2] (trong đó 3 nhóm bệnh có số lượng bệnh nhân đến khám và điều trị cao nhất là bệnh của hệ tuần hoàn, các bệnh nội tiết và chuyển hóa, bệnh của hệ thống cơ, xương và mô liên kết).

- Cơ cấu DMT cổ truyền theo lý luận y học cổ truyền: Các thuốc cổ truyền của bệnh viện bao gồm 20 nhóm phân theo lý luận y học cổ truyền. Trong đó, 03 nhóm thuốc chiếm tỷ trọng cao nhất về giá trị là nhóm thuốc bổ huyết, nhóm thuốc bổ khí và nhóm thuốc bổ dương (chiếm tỷ lệ lần lượt là 37,51%; 14,18% và 12,20%).

- Cơ cấu DMT dược liệu theo nhóm tác dụng điều trị: Các thuốc dược liệu của bệnh viện bao gồm 03 nhóm theo tác dụng điều trị. Trong đó, nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy chiếm 60% về số lượng và 59,99% về giá trị, nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm chiếm 20% về số lượng và 27,62% về giá trị, nhóm thuốc chữa các bệnh về phế chiếm 20% về số lượng và 12,39% về giá trị.

* *Cơ cấu DMT theo nguồn gốc, xuất xứ:*

Thuốc sản xuất trong nước sử dụng tại bệnh viện chiếm 53,06% về số lượng nhưng chỉ chiếm 27,58% về giá trị, trong khi thuốc nhập khẩu chiếm 46,94% về số lượng nhưng chiếm 72,42% về giá trị. Tỷ lệ giá trị thuốc sản xuất trong nước của bệnh viện thấp hơn so với BVĐK huyện Thanh Trì năm 2018 (37,87%) [5] và BVĐK

huyện Thường Tín năm 2018 (32,8%) [8]. Như vậy, tỷ lệ giá trị thuốc sản xuất trong nước tại BVĐK Vân Đình năm 2020 còn ở mức thấp, bệnh viện vẫn sử dụng thuốc nhập khẩu với tỷ lệ lớn. Thuốc nhập khẩu sử dụng tại bệnh viện được nhập khẩu từ 31 quốc gia trên thế giới, trong đó 05 quốc gia có giá trị nhập khẩu cao nhất năm 2020 lần lượt là: Pháp, Ấn Độ, Ý, Ailen và Ukraina (chiếm 64,46% tổng giá trị thuốc nhập khẩu). Trong đó, Pháp có giá trị nhập khẩu cao nhất với 17,83% về giá trị và 18,34% về số lượng thuốc nhập khẩu. Việc sử dụng thuốc nhập khẩu có thể đem lại hiệu quả điều trị tốt hơn cho người bệnh nhưng sẽ làm tăng gánh nặng tài chính cho người bệnh và bệnh viện. So với kết quả phân tích DMT của bệnh viện năm 2018 (giá trị thuốc nhập khẩu khoảng 79,9%) [7] thì tỷ lệ giá trị thuốc nhập khẩu của bệnh viện năm 2020 có giảm, nhưng không đáng kể. Do vậy, bệnh viện cần tiếp tục xem xét giảm tỷ lệ sử dụng thuốc nhập khẩu, tăng tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước ở các năm tiếp theo sao cho phù hợp với tiêu chí của Bộ Y tế đã đề ra “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” [3]. Đồng thời, thực hiện tốt Thông tư số 10/2016/TT-BYT [4], lựa chọn các

thuốc sản xuất trong nước, đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung ứng đưa vào DMT đầu thầu sử dụng tại bệnh viện.

** Cơ cấu DMT hóa dược theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic:*

Tiến hành phân tích 292 thuốc hóa dược trong DMT bệnh viện theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic cho thấy, thuốc biệt dược gốc chỉ chiếm 4,02% về số lượng và 7,50% về giá trị. Thuốc biệt dược gốc thường có giá thành cao hơn so với các thuốc generic. Như vậy, bệnh viện đã quan tâm hạn chế sử dụng thuốc biệt dược gốc nhằm giảm chi phí điều trị cho bệnh nhân.

** Cơ cấu DMT hóa dược theo thành phần:*

Thuốc đơn thành phần chiếm tỷ lệ lớn (78,09%) về số lượng nhưng chỉ chiếm 58,31% về giá trị. Thuốc đa thành phần mặc dù chỉ chiếm 21,91% về số lượng nhưng chiếm 41,69% về giá trị. Tỷ lệ giá trị sử dụng của thuốc đa thành phần tại bệnh viện còn ở mức cao. Các thuốc đa thành phần của bệnh viện chủ yếu là các dạng phối hợp của nhóm thuốc tim mạch, thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn. Các thuốc này được phối hợp nhằm tăng

hiệu quả điều trị, giảm số lượng thuốc phải dùng cho bệnh nhân. Tuy nhiên, giá thành các thuốc này thường cao hơn so với thuốc đơn chất. Hơn nữa, việc sử dụng thuốc đa thành phần gây khó khăn trong việc hiệu chỉnh liều. Do vậy, bệnh viện cần xem xét hạn chế tối đa đối với các thuốc phối hợp không cần thiết.

** Cơ cấu DMT theo đường dùng:*

Thuốc đường uống trong DMT bệnh viện chiếm tỷ trọng nhiều nhất cả về số lượng và giá trị với tỷ lệ tương ứng là 58,06% và 62,73%. Thuốc dạng tiêm, tiêm truyền chiếm 33,05% về số lượng và 34,17% về giá trị. Các thuốc đường dùng khác chỉ chiếm 8,89% về số lượng tương ứng 3,10% về giá trị.

Kết quả nghiên cứu tại bệnh viện năm 2018 cho thấy, thuốc tiêm, tiêm truyền chiếm 43,3% về số lượng và 40,3% về giá trị [7]. Như vậy sau 2 năm, BVĐK Vân Đình đã có sự quản lý và kiểm soát chặt chẽ hơn đối với thuốc tiêm, tiêm truyền, ưu tiên sử dụng thuốc dạng uống. Bệnh viện cần tiếp tục duy trì kiểm soát việc sử dụng thuốc tiêm, tiêm truyền đồng thời cần nhắc thay thế các thuốc sử dụng đường tiêm, tiêm truyền bằng các thuốc đường uống có sinh khả dụng tương đương.

2. Kết quả phân tích DMT sử dụng tại BVĐK Vân Đình năm 2020 theo phân loại ABC/VEN

* Kết quả phân tích DMT theo phân loại ABC:

- Cơ cấu DMT theo phân loại ABC:

Bảng 3: Cơ cấu DMT theo phân loại ABC.

Nhóm	Số lượng khoản mục		GTTT	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
A	69	19,17	26.014.164.561	79,69
B	75	20,83	4.991.339.790	15,29
C	216	60,00	1.639.051.991	5,02
Tổng	360	100	32.644.556.343	100

Nhóm A chiếm 19,17% về số lượng và 79,69% về giá trị, nhóm B chiếm 20,83% về số lượng và 15,29% về giá trị, nhóm C chiếm 60% về số lượng và 5,02% về giá trị. Như vậy, việc sử dụng thuốc tại bệnh viện là tương đối phù hợp với khuyến cáo [6]. Kết quả phân tích này tương đồng với kết quả nghiên cứu năm 2018 tại bệnh viện, nhóm A chiếm 18,0% về số lượng và 79,7% về giá trị, nhóm B chiếm 19,1% về số lượng và 15,2% về giá trị, nhóm C chiếm 62,9% số lượng và 5,1% về giá trị [7].

- Cơ cấu DMT nhóm A theo nhóm tác dụng: Thuốc hóa dược nhóm A phân thành 14 nhóm tác dụng. Trong đó, 03 nhóm thuốc có tỷ lệ giá trị lớn nhất lần lượt là nhóm thuốc tim mạch (29,37%); nhóm hormone và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết (21,03%);

nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (20,42%). Chỉ riêng tổng giá trị 03 nhóm thuốc này đã chiếm hơn 70% giá trị sử dụng các thuốc nhóm A. Kết quả này tương đối phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện [2]. Cả 05 thuốc dược liệu trong DMT sử dụng tại bệnh viện đều nằm trong DMT nhóm A và được phân bổ trong 03 nhóm tác dụng. Nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy chiếm tỷ trọng cao nhất với 4,35% về số lượng và 2,65% về giá trị.

- Cơ cấu DMT nhóm B theo nhóm tác dụng: Thuốc hóa dược nhóm B phân thành 16 nhóm tác dụng, trong đó nhóm thuốc tim mạch chiếm tỷ lệ lớn nhất với 17,33% về số lượng và 16,08% về giá trị, thứ hai là nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm 13,33% về số lượng và 15,63% về giá trị,

thứ ba là nhóm hormone và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết chiếm 9,33% về số lượng và 11,23% về giá trị. Các thuốc cổ truyền được phân thành 5 nhóm, chiếm 11,7% tổng giá trị thuốc nhóm B. Trong đó, nhóm thuốc bổ khí chiếm giá trị lớn nhất với 3,02%.

Thuốc nhóm B có tỷ lệ về số lượng tương đồng với thuốc nhóm A nhưng giá trị sử dụng lại thấp hơn nhiều lần. Do vậy, bệnh viện cần có những lựa chọn thay thế hợp lý các thuốc nhóm A bằng các thuốc có hiệu lực điều trị tương đương thuốc nhóm B, để giảm tải gánh nặng về chi phí cho bệnh nhân và bệnh viện.

- Cơ cấu DMT nhóm C theo nhóm tác dụng: Thuốc hóa dược nhóm C phân thành 23 nhóm tác dụng, trong đó nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm tỷ lệ lớn nhất với 12,04% về số lượng và 13,16% về giá trị, nhóm thuốc đường tiêu hóa

đứng thứ hai với 6,94% về số lượng và 12,87% về giá trị, nhóm tim mạch đứng thứ ba với 10,65% về số lượng và 12,16% về giá trị. Các vị thuốc cổ truyền nhóm C phân thành 20 nhóm tác dụng theo lý luận Y học Cổ truyền. Trong đó, nhóm phát tán phong thấp chiếm tỷ lệ lớn nhất với 2,31% về số lượng và 4,44% về giá trị.

Phần lớn các thuốc nhóm C là thuốc đường uống và thuốc sản xuất trong nước có đơn giá thấp. Do vậy, tổng giá trị sử dụng nhóm C chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ so với giá trị DMT của bệnh viện. Tương tự nhóm B, trong những năm tới bệnh viện cần có biện pháp thay thế các thuốc đắt tiền nhóm A bằng các thuốc nhóm C mà vẫn đáp ứng yêu cầu điều trị, giúp giảm chi phí sử dụng thuốc tại bệnh viện. Đồng thời, kết hợp với phân tích VEN để loại bỏ một số thuốc không cần thiết đối với DMT và mô hình bệnh tật.

* Kết quả phân tích DMT theo phân loại VEN:

Bảng 4: Cơ cấu DMT theo phân loại VEN.

STT	Nhóm	Số lượng khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	V	43	11,94	3.608.222.818	11,05
2	E	241	66,94	26.470.216.387	82,64
3	N	76	21,12	2.566.117.138	6,31
Tổng		360	100	32.644.556.343	100

Kết quả phân tích cho thấy, thuốc nhóm V chiếm tỷ lệ thấp nhất (11,94% về số lượng và 11,05% về giá trị), thuốc nhóm E chiếm tỷ lệ cao nhất (66,94% về số lượng và 82,64% về giá trị). Còn lại là các thuốc nhóm N chiếm 21,12% về số lượng nhưng chỉ chiếm 6,31% về giá trị. Theo kết quả nghiên cứu năm 2018 của bệnh viện, nhóm N

chiếm tỷ lệ nhỏ nhất với 9,4% về số lượng và 3,6% về giá trị [7], nhỏ hơn nhiều so với kết quả năm 2020. Như vậy, bệnh viện cần xem xét loại bỏ những thuốc thuộc nhóm N nếu không thực sự cần thiết và không phù hợp với các điều kiện của bệnh viện, tiết kiệm nguồn ngân sách mà vẫn đảm bảo quyền lợi cho bệnh nhân tham gia BHYT.

** Kết quả phân tích DMT theo ma trận ABC/VEN:*

Bảng 5: Cơ cấu DMT theo ma trận ABC/VEN.

STT	Nhóm	Số lượng khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Quan trọng nhất (nhóm I)	103	28,61	26,345,679,676	80,71
2	Quan trọng (nhóm II)	195	54,17	5,944,998,413	18,18
3	Ít quan trọng (nhóm III)	62	17,22	353,878,255	1,11
Tổng		360	100	32,644,556,343	100

Kết quả phân tích cho thấy: Thuốc nhóm I (AV, BV, CV, AE, AN) chiếm chủ yếu về giá trị với 80,71% nhưng chỉ chiếm 28,61% về số lượng. Đây là nhóm cần đặc biệt quan tâm, ưu tiên kiểm soát chặt chẽ để giữ ổn định ngân sách hàng năm, sẵn sàng cung ứng kịp

thời và đầy đủ. Thuốc nhóm II (BE, BN, CE) chiếm 54,17% về số lượng tương ứng 18,18% về giá trị, tỷ lệ này là hợp lý vì tiểu nhóm BE và CE là 2 nhóm có số lượng thuốc lớn trong DMT. Nhóm này tuy mức độ quan trọng ít hơn nhóm I nhưng cũng là

nhóm thuốc cần quản lý tốt vì sử dụng ngân sách tương đối lớn và cần thiết cho điều trị. Thuốc nhóm III (CN) chiếm tỷ lệ thấp nhất về số lượng với 17,22% và chỉ chiếm 1,11% về giá trị, đây là nhóm mà bệnh viện cần quan tâm để giảm bớt sử dụng hoặc loại bỏ một số thuốc không cần thiết đối với yêu cầu điều trị của Bệnh viện.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã phân tích cơ cấu DMT sử dụng tại BVĐK Vân Đình năm 2020, gồm 360 thuốc với tổng giá trị hơn 32,6 tỷ đồng. Trong đó, thuốc hóa dược chiếm 81,11% về số lượng và 92,89% về giá trị, được chia thành 24 nhóm tác dụng dược lý, thuốc cổ truyền chiếm 17,50% về số lượng và 3,59% về giá trị, được chia thành 20 nhóm tác dụng theo lý luận y học cổ truyền, thuốc dược liệu chiếm 1,39% về số lượng và 3,52% về giá trị, được chia thành 03 nhóm tác dụng điều trị. Thuốc sản xuất trong nước chiếm 53,06% về số lượng và 27,58% về giá trị. Thuốc biệt dược gốc chiếm tỷ lệ 4,02% về số lượng và 7,50% về giá trị. Thuốc đơn thành phần chiếm tỷ lệ 78,09% về số lượng và 58,31% về giá trị. Thuốc đường uống chiếm tỷ lệ cao nhất với 58,06% về số lượng và 62,73% về giá trị.

Nghiên cứu đã phân tích DMT sử dụng tại BVĐK Vân Đình năm 2020 theo phân loại ABC/VEN: Nhóm A chiếm 19,17% về số lượng và 79,69% về giá trị, nhóm B chiếm 20,83% về số lượng và 15,29% về giá trị, nhóm C chiếm 60,0% về số lượng và 5,02% về giá trị. Nhóm V chiếm tỷ lệ 11,94% về số lượng và 11,05% về giá trị, nhóm E chiếm tỷ lệ 66,94% về số lượng và 82,64% về giá trị, nhóm N chiếm 21,12% về số lượng và 6,31% về giá trị. Thuốc nhóm I chiếm 28,61% về số lượng và 80,71% về giá trị, thuốc nhóm II chiếm 54,17% về số lượng và 18,18% về giá trị, thuốc nhóm III chiếm tỷ lệ 17,22% về số lượng và 1,11% về giá trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bệnh viện Đa khoa Vân Đình (2020). Báo cáo về cơ cấu tổ chức bệnh viện năm.
2. Bệnh viện Đa khoa Vân Đình (2020). Tổng hợp chi phí khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Vân Đình năm.
3. Bộ Y tế. Quyết định số 4824/QĐ-BYT phê duyệt đề án "Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam", ngày 03/12/2012.
4. Bộ Y tế. Thông tư số 10/2016/TT-BYT, Ban hành DMT sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về

điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp, ngày 05/05/2016.

5. Nguyễn Thị Thùy Dương (2020). Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Trì năm 2018. Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội.

6. Học viện Quân y (2018). Giáo trình Dược bệnh viện. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội:137-139.

7. Nguyễn Thị Thu Hiền (2020). Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Vân Đình Thành phố Hà Nội năm 2018. Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I. Trường Đại học Dược Hà Nội.

8. Ngô Văn Thế (2019). Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện huyện Thường Tín thành phố Hà Nội năm 2018. Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội.